

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

Bản án số: 75/2024/HS-ST
Ngày: 28/11/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kia - Giáo viên hưu trí;
- Bà Văn Thị Thu Vân - Phó Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trãi, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm- xử kín vụ án hình sự thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HS ngày 05/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức D; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: B; Sinh ngày 24/8/2002 tại N, Đồng Nai. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Trung Hòa, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công Giáo; Văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Không. Cha: Nguyễn Đức D1 (sinh năm 1971) và Mẹ: Nguyễn D2 (Sinh năm 1981), làm nông và sinh sống tại: Ấp B, xã Trung Hòa, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sống chung như vợ chồng với: Lê Thị Mỹ M (sinh năm 2005) trú tại Ấp Long Thanh, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Bị cáo có một con sinh năm 2023.

- Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt giữ ngày 14/4/2024, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 20/4/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 5, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lê Thị Yến N, sinh ngày 27/01/2006; Địa chỉ: Tổ 5, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

2. Phan Đăng H, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Ngày 04/4/2024, Phan Đăng H lướt Facebook phát hiện một trang Facebook tên “Trần Minh Nhật” đăng tải nội dung giới thiệu việc làm. H dùng Facebook tên “Khoa Phan” nhắn tin liên hệ thì gặp được Nguyễn Đức D là người đăng tải thông tin tuyển người làm và hẹn H đến ấp Long Thanh, xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An để trao đổi việc làm. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Phan Đăng H đến chỗ D như đã hẹn. Tại đây, D lấy lý do cần kiểm tra thông tin trong điện thoại xem có vi phạm pháp luật gì không rồi yêu cầu H mở mật khẩu máy điện thoại và không đặt mật khẩu nữa. H đồng ý, đưa cho D 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12s 4GB màu xanh có gắn sim số điện thoại 0365801723 và hủy mật khẩu mở máy theo yêu cầu của D. Sau đó, D bảo H đến quán cà phê gần đó ngồi đợi xe đến thì bóc hàng, đồng thời lấy điện thoại của H rồi bỏ đi. H đợi đến khoảng 16 giờ cùng ngày nhưng không thấy D và xe hàng đến thì biết mình đã bị D lừa lấy mất điện thoại di động nên quay về thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Đức D sau khi chiếm đoạt được điện thoại trên đã mang điện thoại về phòng trọ ở ấp Long Thanh, xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An để mở kiểm tra hết các thông tin trong điện thoại và phát hiện trong tin nhắn Zalo giữa H với Lê Thị Yến N (là người yêu cũ của Khoa) có các đoạn video clip ghi lại cảnh khỏa thân, quan hệ tình dục giữa N với H trong thời gian yêu nhau trước đó. D tiếp tục tìm kiếm thông tin trong Zalo, Facebook trong điện thoại của H thì biết được N là bạn gái H nên đã sử dụng thông tin tài khoản Zalo của H rồi đăng nhập vào điện thoại di động OPPO F11 màu tím gắn thẻ sim có số 0898098427 và sim 0896626732; số IMEI 1: 866988040645631, số IMEI 2: 866988040645623 để tải những hình ảnh và video trong Zalo của H về lưu trong thư mục hình ảnh của điện thoại. Tiếp tục kiểm tra thông tin trên điện thoại, D biết được tài khoản Facebook “K Nguyen” của bà Nguyễn Thị Minh K (là mẹ của N nên D) nên D đã sử dụng điện thoại di động OPPO F11 tạo một tài khoản Facebook tên “Phan Đăng H” để giả danh H rồi nhắn tin liên lạc cho N và bà K để đe dọa yêu cầu bà K phải chuyển cho D số tiền 200.000.000 đồng, đồng thời không chế bắt N tự quay clip khỏa thân gửi cho D nếu không D sẽ tung clip khỏa thân trước đó của N lên mạng xã hội. Sau khi lấy được các thông tin trên điện thoại của Khoa, D đã mang chiếc điện thoại lấy được của H đi bán cho một người phụ nữ không rõ thông tin được số tiền 450.000 đồng rồi sử dụng tiêu xài cá nhân.

Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 12/4/2024, D liên tục nhắn tin, gọi điện qua Zalo, Messenger cho N và bà K để đe dọa, khủng bố tinh thần, đòi tiền, yêu cầu N phải vào thành phố Hồ Chí Minh để quan hệ tình dục với D nếu không D sẽ tung các clip của N lên mạng xã hội. Đến ngày 12/4/2024, D thống nhất với gia đình N vào thành phố Hồ Chí Minh đưa tiền mặt cho D 200.000.000 đồng. N đồng ý theo yêu cầu của D rồi mang tiền vào thành phố Hồ Chí Minh để gặp D.

Sau khi bị Nguyễn Đức D liên tục nhắn tin, gọi điện đe dọa ngày 12/4/2024, bà Nguyễn Thị Minh K đến Công an thị xã A trình báo về sự việc trên.

Đến ngày 13/4/2024, bà Nguyễn Thị Minh K lo sợ D sẽ đưa hình ảnh, video của con mình lên các trang mạng xã hội sẽ gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của N nên bà K cùng N mang theo trước số tiền 100.000.000 đồng vào thành phố Hồ Chí Minh để đưa cho D, số tiền còn lại người nhà sẽ gửi vô sau. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D nhắn tin gửi định vị cho N tại khu dân cư ấp Long Thanh, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An để giao dịch tiền. N bỏ riêng số tiền 30.000.000 đồng vào túi nilon màu đen (*số tiền còn lại bà K cất giữ*) đi đến vị trí này rồi vút bên lề đường theo yêu cầu của D và chụp hình gửi cho D biết vị trí để tiền. Khi D đến vị trí đã hẹn để lấy số tiền trên thì bị Công an thị xã A phối hợp với Công an xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An bắt quả tang.

Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: 01 (một) điện thoại di động OPPO F11 màu tím gắn thẻ sim có số 0898098427 và sim 0896626732; số IMEI 1 866988040545631, số IMEI 2 866988040645623. 01 (một) bì bóng màu đen có kích thước (25x40)cm. Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá số 20/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã A kết luận 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y12S 4GB trị giá 1.516.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 20/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại số tiền 30.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Minh K. Sau khi nhận lại tài sản bà K không có ý kiến, yêu cầu gì.

Cáo trạng số 71/CTr-VKS ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đề nghị áp dụng điểm điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách Nệ dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO F11 màu tím, số IMEI 1 866988040545631, số IMEI 2 866988040645623. Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại: có số 0898098427 và số 0896626732; 01 (một) bì bóng màu đen có kích thước (25x40) cm.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức D thừa nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản của mình như cáo trạng truy tố, bị cáo nói lời sau cùng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo gửi lời xin lỗi gia đình bị hại và xin lỗi người có quyền lợi liên quan anh Phan Đăng H.

Tại phiên tòa anh Phan Đăng H đồng ý với những tình tiết diễn biến trong nội dung cáo trạng về việc anh H bị D lừa lấy điện thoại, đồng ý với kết quả định giá

tài sản và yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại cho anh trị giá điện thoại bị chiếm đoạt theo giá tiền hội đồng định giá đã định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai có tại hồ sơ của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Đức D là người có đủ năng lực trách Nệm hình sự. Nhận thức rõ việc sử dụng hình ảnh nhạy cảm của người khác để đe dọa, uy hiếp nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Đức D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị Minh K. Ngày 12/4/2024, Nguyễn Đức D sau khi có được Nền hình ảnh, video nhạy cảm của Lê Thị Yến N (là con gái bà K) có trong điện thoại của Phan Đăng H đã nhắn tin, điện thoại cho bà Nguyễn Thị Minh K để đe dọa, uy hiếp bà K phải đưa cho D số tiền 200.000.000 đồng, nếu không D sẽ đưa những hình ảnh của N lên mạng xã hội. Lo sợ bị D tung các hình ảnh nhạy cảm của con mình lên mạng xã hội, bà K đồng ý đưa cho D số tiền 200.000.000 đồng theo yêu cầu của D. Vào ngày 13/4/2024, khi D đang thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản để lấy số tiền của bà Nguyễn Thị Minh K thì bị Công an thị xã A bắt quả tang. Do đó, hành vi của Nguyễn Đức D đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nệm hình sự: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D đã dùng thủ đoạn hết sức tinh vi để thực hiện hành vi phạm tội, nhằm trốn tránh sự phát hiện của cơ quan Công an, bị cáo D đã sử dụng điện thoại di động OPPO F11 tạo một tài khoản Facebook tên “Phan Đăng H” để giả danh anh H rồi nhắn tin liên lạc cho cháu N và bà K để đe dọa yêu cầu bà K phải chuyển cho D số tiền 200.000.000 đồng, khi bị hại đồng ý trả tiền để xóa clip thì bị cáo đã dùng Nền thủ đoạn tinh vi như sử dụng tài khoản ngân hàng không phải của mình yêu cầu cháu N, bà K chuyển tiền để khỏi bị phát hiện, truy vết; khi biết cháu N mang tiền mặt trực tiếp giao thì D liên tục thay đổi vị trí giao nhận tiền: theo thỏa thuận lúc đầu giao tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bị cáo thay đổi địa điểm giao nhận, chuyển đến huyện Bình Chánh, sau đó lại kêu cháu N mang tiền xuống Long An, điều đến tận ấp Long Thanh, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An nhằm tránh bị cơ quan Công an phát hiện, những hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là: “*Sử dụng thủ đoạn tinh vi để phạm tội*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo D không thừa nhận việc cưỡng đoạt số tiền 200.000.000đ, mà chỉ thừa nhận có cưỡng đoạt 50.000.000đ, tuy Nền tại phiên tòa sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích, bị cáo đã thay đổi lời khai, thừa nhận mục đích cưỡng đoạt của bà K số tiền 200.000.000đ, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách Nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản và trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để không chỉ răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn phòng ngừa chung cho xã hội.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian dài để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

[6] Về trách Nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại anh H giá trị điện thoại bị chiếm đoạt là 1.516.000 đồng (*Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng*). Bị hại Nguyễn Thị Minh K, người có quyền lợi liên quan cháu N không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO F11 màu tím, số IMEI 1 866988040545631, số IMEI 2 866988040645623.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại có số 0898098427 và số 0896626732; 01 (một) bì bóng màu đen có kích thước (25x40)cm.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này ngoài hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”, Nguyễn Đức D còn lừa chiếm đoạt của Phan Đăng H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y12S 4GB, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A chuyển vụ việc đến Công an huyện Cần Đức, tỉnh Long An để giải quyết theo thẩm quyền, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm m khoản 1 Điều 52, Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 14/4/2024.

3. Về trách Nệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại anh Phan Đăng H giá trị điện thoại bị chiếm đoạt là: 1.516.000đ (Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO F11 màu tím, số IMEI 1 866988040545631, số IMEI 2 866988040645623.

Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại có số 0898098427 và số 0896626732; 01 (một) bì bóng màu đen có kích thước (25x40)cm.

Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2024.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2024). Riêng người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn